

Số: /BC-UBND

Cát Hải, ngày tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO

**Giám sát tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện
Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị**

A. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 57 và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên:

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Thành ủy, UBND thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải đã phối hợp với Đảng ủy đặc khu tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn. Nội dung tuyên truyền tập trung vào mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; lồng ghép trong các hội nghị giao ban, sinh hoạt chi bộ, hội nghị chuyên đề và trên Công thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở. 100% cơ quan, đơn vị thuộc đặc khu đã tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

2. Các văn bản đã ban hành

- Căn cứ chỉ đạo của cấp trên, UBND đặc khu đã tham mưu, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản sau:

+ Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/01/2026 Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn đặc khu Cát Hải.

+ Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 20/01/2026 Thực hiện xây dựng và triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hải Phòng đến năm 2035 trên địa bàn đặc khu Cát Hải.

+ Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 27/01/2026 Thực hiện Chuyển đổi số đặc khu Cát Hải năm 2026.

+ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/01/2026 Kế hoạch Triển khai các nhiệm vụ tại Chương trình công tác số 01-CTr/BCĐ ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố.

+ Công văn số 215/UBND-VHXH ngày 13/01/2026 về việc đăng ký nhu cầu sử dụng Wifi kết nối Internet tốc độ cao phục vụ miễn phí trên địa bàn đặc khu Cát Hải.

+ Công văn số 468/UBND-VHXH ngày 23/01/2026 về việc rà soát các dự án chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.

+ Công văn số 664/UBND-VHXH ngày 04/02/2026 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 570/KH-SGDĐT ngày 31/01/2026 của Sở GDĐT về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

Các văn bản được ban hành kịp thời, bám sát nội dung chỉ đạo của Trung ương và thành phố; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành và sản phẩm đầu ra.

3. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy :

UBND đưa nội dung thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào chương trình kiểm tra, giám sát năm 2026. Công tác kiểm tra được thực hiện thông qua: Kiểm điểm tiến độ thực hiện nhiệm vụ tại các cuộc họp giao ban hằng tháng; Rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chuyển đổi số, giải ngân kinh phí; Kiểm tra chuyên đề đối với một số lĩnh vực trọng tâm (chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước).

Qua kiểm tra, UBND đặc khu đã kịp thời chỉ đạo khắc phục các tồn tại, đôn đốc các đơn vị chậm tiến độ.

4. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57 (thời điểm tổ chức, hình thức, nội dung):

UBND đặc khu tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trong năm 2026 nhằm tập trung đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và đề ra nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.

B. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026.

- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 19/01/2026 Kế hoạch Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026 trên địa bàn đặc khu Cát Hải.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 30/01/2026 Kế hoạch Triển khai các nhiệm vụ tại Chương trình công tác số 01-CTr/BCĐ ngày 09/01/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố.

- Đánh giá Kế hoạch ban hành: Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 57-NQ/TW; đồng thời căn cứ tình hình thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế – xã hội của đặc khu. Trong quá trình xây dựng, UBND đặc khu đã chủ động rà soát, đề xuất các nhiệm vụ phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của địa phương, không thụ động chờ giao nhiệm vụ từ Ban Chỉ đạo Trung ương. Nội dung Kế hoạch bảo đảm yêu cầu phân công “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả”; xác định cụ thể các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi cần tập trung chỉ đạo trong năm 2026, như: Phát triển

hạ tầng số, nền tảng số dùng chung; Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính; Ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, kinh tế biển; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; Bố trí, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho KHCCN, ĐMST, CDS. Công tác tổ chức thực hiện được triển khai đồng bộ; các cơ quan, đơn vị đã xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện theo phân công. UBND đặc khu thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm tiến độ tại các cuộc họp giao ban định kỳ.

2. Thống kê số cuộc họp/Phiên họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan (tính từ đầu năm 2026): Tính từ đầu năm 2026 đến thời điểm báo cáo, Ban Chỉ đạo đặc khu đã tổ chức 02 cuộc họp để nghe báo cáo tiến độ, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện:

- Tổng số có 34 nhiệm vụ được giao (tiến độ có thể theo dõi trên trang <https://theodoing.dcs.vn>), trong đó: 34 nhiệm vụ đã hoàn thành, tỷ lệ 100%, trong đó: 34 nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn.

- Nhìn chung, các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số trong chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính và phát triển KHCCN gắn với du lịch, dịch vụ được triển khai đúng định hướng.

4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan:

- Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số: Không có

5. Việc báo cáo Trưng ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCCN, ĐMST, CDS) trên Hệ thống pakn.nq57.vn:

Năm 2025 UBND đặc khu đã ban hành Quyết định công nhận nhận **24 sáng kiến, trong đó có 05 sáng kiến** liên quan đến: Cải cách hành chính và chuyển đổi số; đã được công nhận **03 sáng kiến** cấp thành phố.

II. VỀ HOÀN THIỆN THẺ CHẾ, QUY ĐỊNH, QUY TRÌNH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Ban hành hơn 20 văn bản cấp đặc khu đầu năm 2026, gồm: chuyển đổi số và dữ liệu số, khoa học – công nghệ và văn bản điều phối, hướng dẫn thực hiện chung.

- UBND đặc khu ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 27/01/2026 Kế hoạch Thực hiện Chuyển đổi số đặc khu Cát Hải năm 2026.

- Đã đề xuất kinh phí năm 2026 cho KH&CN, ĐMST và CDS.

2. Tồn tại, hạn chế :

- Hạ tầng mạng tại một số khu dân cư còn kém;

- Nguồn nhân lực CNTT còn thiếu;

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Cơ chế tài chính chưa linh hoạt;

- Thiếu nguồn nhân lực về CNTT và người hướng dẫn kỹ thuật cụ thể từ cấp trên về cơ sở dữ liệu liên thông.

III. VỀ BẢO ĐẢM NGUỒN NHÂN LỰC

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các kế hoạch triển khai năm 2026 của Trung ương, thành phố, Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải đã chủ động rà soát, đề xuất với thành phố nội dung bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sau sắp xếp tổ chức bộ máy năm 2026. Tuy nhiên, đến thời điểm báo cáo, các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên đề năm 2026 chưa được tổ chức. Trong thời gian này, các cơ quan, đơn vị tiếp tục chủ động cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng số thông qua tự học, sinh hoạt chuyên môn và khai thác tài liệu hướng dẫn.

- Về nhân lực chuyên trách, Đặc khu đã bố trí 01 công chức phụ trách chuyên đổi số, thực hiện nhiệm vụ tham mưu, phối hợp triển khai các hoạt động chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn.

2. Nhận xét, đánh giá: Do năm 2026 chưa tổ chức lớp bồi dưỡng chuyên đề mới, việc đánh giá chủ yếu căn cứ vào năng lực thực tiễn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS ở mức độ phù hợp với điều kiện thực tế; kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung từng bước được nâng lên. Tuy nhiên, năng lực chuyên sâu về chuyển đổi số và an toàn thông tin cần tiếp tục được bồi dưỡng, cập nhật.

Trong thời gian tới, UBND đặc khu sẽ tiếp tục phối hợp với các sở, ngành của thành phố để sớm triển khai các lớp đào tạo theo kế hoạch; đồng thời tăng cường tự bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

IV. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- Việc đề xuất nhiệm vụ, kinh phí năm 2026: Đến thời điểm báo cáo, tổng nhu cầu bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 của đặc khu là 11,092 tỷ đồng; trong đó, đã được cấp có thẩm quyền phân bổ 0,39 tỷ đồng, còn lại 10,702 tỷ đồng chưa được phân bổ.

- Về phân bổ và giải ngân vốn: Tổng kinh phí được phân bổ năm 2026: 0,39 tỷ đồng; đã giải ngân 0,206 tỷ đồng, đạt 52,8%, (dự toán còn lại 0,184 triệu

đồng gồm 0,033 triệu đồng tiết kiệm 10% chi thường xuyên, 0,151 triệu đồng kinh phí chỉnh lý, số hóa tài liệu của UBND cấp xã cũ chưa phân bổ) trong đó: Chuyển đổi số: 0,206 tỷ đồng, giải ngân 52,8%.

2. Nhận xét, đánh giá

- So với mục tiêu phân đầu bố trí khoảng 3% tổng chi ngân sách cho KHCCN, ĐMST, CDS, nguồn kinh phí hiện được phân bổ (0,39 tỷ đồng) còn thấp so với nhu cầu thực tế 11,092 tỷ đồng. Do điều kiện cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế, việc bảo đảm tỷ lệ 3% cần tiếp tục được quan tâm trong thời gian tới.

- Các đơn vị đã chủ động rà soát, đề xuất nhiệm vụ theo kế hoạch. Một số nội dung cần thêm thời gian hoàn thiện hồ sơ chuyên môn để bảo đảm chặt chẽ theo quy định

- Tỷ lệ giải ngân đạt 52,8% trên tổng kinh phí được phân bổ, cơ bản phù hợp tiến độ thực hiện nhiệm vụ tại thời điểm báo cáo. Tuy nhiên, do nhu cầu kinh phí chưa được bố trí đầy đủ, một số nhiệm vụ trọng tâm có nguy cơ phải điều chỉnh tiến độ hoặc phạm vi triển khai nếu không được bổ sung kịp thời.

- *Thuận lợi*: Công tác tổng hợp nhu cầu, lập dự toán được thực hiện kịp thời; Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, đúng quy định; Không phát sinh sai phạm trong quản lý tài chính.

- *Khó khăn*: Khoảng cách lớn giữa nhu cầu và kinh phí được phân bổ; Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số và số hóa tài liệu còn hạn chế; Một số nhiệm vụ cần kinh phí tập trung nhưng chưa được bố trí đồng bộ

- *Nguyên nhân*: Khả năng cân đối ngân sách còn hạn chế; Nhiều nhiệm vụ phát sinh sau sắp xếp đơn vị hành chính; Quy trình phân bổ, thẩm định kinh phí thực hiện theo nhiều bước theo quy định hiện hành.

- *Giải pháp*: Tiếp tục rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm; Chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét bổ sung kinh phí; Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn kinh phí được giao.

- *Trách nhiệm*: UBND đặc khu chịu trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; các cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu, triển khai nhiệm vụ đúng tiến độ, bảo đảm hiệu quả và tuân thủ quy định tài chính hiện hành.

V. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

a) Tình hình kết quả thực hiện các nhiệm vụ hoàn thành trong quý II/2026.

- UBND đặc khu đã phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông rà soát, nâng cấp băng thông tại trụ sở cơ quan hành chính và Trung tâm Phục vụ hành chính công; bảo đảm đường truyền ổn định, đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của thành phố.

- Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp: Không có.

- Đã phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng xử lý kịp thời các lỗi phát sinh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, bảo đảm vận hành thông suốt, không để gián đoạn kéo dài.

- Hiện trên địa bàn không còn thôn chưa có điện lưới quốc gia và sóng di động

- Phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ thực hiện cấp và gia hạn chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn thuộc 4 khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ; bảo đảm 100% cán bộ có nhu cầu được cấp chứng thư số phục vụ ký số văn bản điện tử.

b) Nhận xét, đánh giá

- **Ưu điểm:** Hạ tầng cơ bản đáp ứng yêu cầu vận hành hệ thống số; không còn vùng lõm sóng; các hệ thống trọng yếu được duy trì ổn định.

- **Tồn tại, khó khăn:** Một số thiết bị CNTT còn hạn chế về cấu hình; nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp chưa đồng bộ; phụ thuộc vào hạ tầng viễn thông ngoài đơn vị.

- **Giải pháp:** Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung kinh phí nâng cấp thiết bị; tăng cường phối hợp doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng dịch vụ.

- **Trách nhiệm:** UBND đặc khu tiếp tục chỉ đạo các đơn vị chuyên môn chủ động khắc phục, bảo đảm hạ tầng phục vụ chuyển đổi số ổn định, an toàn.

2. Về thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (*thống kê trên phần mềm Một cửa điện tử*): 378 thủ tục hành chính, trong đó:

+ Thủ tục hành chính toàn trình: 220 thủ tục;

+ Thủ tục hành chính một phần: 158 thủ tục.

- Số lượng thủ tục hành chính đã thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC: Theo hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 630 thủ tục; trực tuyến một phần: 865 thủ tục, trực tiếp: 0 thủ tục.

- Tỷ lệ thực hiện từng loại TTHC theo hình thức trực tiếp DVC trực tuyến toàn trình: 42,1%, trực tuyến một phần: 57,9%, trực tiếp: 0%.

Báo cáo số liệu chi tiết:

Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 11/02/2026, Trung tâm thực hiện tiếp nhận, giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tổng số: **1.495** hồ sơ, trong đó:

*** Trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC thành phố:**

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: **1.437** hồ sơ, trong đó:

+ Số hồ sơ trực tuyến: 1.437 hồ sơ; **tỷ lệ đạt: 100%**.

+ Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, qua bưu chính: 0 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết: 1.393 hồ sơ (trước hạn).
- Số hồ sơ rút (từ chối): 05 hồ sơ.
- Số hồ sơ đang giải quyết: 39 hồ sơ (trong hạn).
- Số hồ sơ quá hạn: Không.

*** Trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành:**

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: **58** hồ sơ, gồm: Bộ Xây dựng: 11 hồ sơ; Bộ Công thương: 01 hồ sơ; Bộ Tài chính: 29 hồ sơ; Bộ Giáo dục và Đào tạo: 04 hồ sơ; Bộ Y tế: 13 hồ sơ, trong đó:

- + Số hồ sơ trực tuyến: 58 hồ sơ; **tỷ lệ đạt: 100%**.
- + Số hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, qua bưu chính: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ đã giải quyết: 58 hồ sơ (trước hạn).
- Số hồ sơ đang giải quyết: 0 hồ sơ.
- Số hồ sơ quá hạn: Không.

b) Nhận xét, đánh giá

Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt **100%**, duy trì ổn định so với tháng trước; không phát sinh hồ sơ quá hạn.

DVCTT cho doanh nghiệp đạt **100% hồ sơ trực tuyến**, đáp ứng mục tiêu đề ra.

Công tác số hóa hồ sơ được thực hiện đồng bộ; chưa phát sinh nguy cơ lãng phí trong đầu tư số hóa.

- *Ưu điểm:* Giải quyết hồ sơ trước hạn cao; không còn hồ sơ tiếp nhận trực tiếp; vận hành ổn định.

- *Tồn tại:* Một số TTHC trực tuyến toàn trình còn phụ thuộc thành phần hồ sơ chuyên ngành.

- *Giải pháp:* Tiếp tục chuẩn hóa quy trình, tăng cường hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT toàn trình.

- *Trách nhiệm:* UBND đặc khu chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công đặc khu tiếp tục duy trì chất lượng giải quyết TTHC, không để phát sinh quá hạn.

3. Về việc xây dựng, hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu và các nền tảng, ứng dụng số

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Việc rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng. **Hoàn thành trong tháng 3/2026.**

- Hạ tầng từng bước được chuẩn hóa so với năm 2025; giảm tình trạng sử dụng phần mềm rời rạc.

- Thực hiện chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ trước và sau sáp nhập; bảo đảm phục vụ tra cứu, khai thác.

b) Nhận xét, đánh giá

- Các nền tảng, ứng dụng cơ bản đáp ứng yêu cầu; việc kết nối, liên thông được cải thiện so với năm 2025.

- Chưa phát hiện nền tảng có nguy cơ lãng phí; việc triển khai bảo đảm theo nhu cầu thực tế.

- Tiếp tục cần nâng cao tính thân thiện và đồng bộ dữ liệu

- Trách nhiệm: UBND đặc khu tiếp tục chỉ đạo rà soát, chuẩn hóa và khai thác hiệu quả các nền tảng số.

4. Về an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu

a) Tình hình kết quả thực hiện

Đã rà soát, khắc phục các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo của cơ quan chuyên môn; cập nhật bản vá hệ thống; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ. Không xảy ra sự cố mất an toàn thông tin nghiêm trọng trên địa bàn trong kỳ báo cáo.

b) Nhận xét, đánh giá

- Nhận thức về an toàn thông tin được nâng cao; các hệ thống trọng yếu được giám sát thường xuyên.

- Tuy nhiên, năng lực chuyên sâu về an ninh mạng còn hạn chế, chủ yếu dựa vào hỗ trợ từ cấp trên và đơn vị cung cấp dịch vụ.

- **Giải pháp:** Tăng cường đào tạo chuyên môn.

- **Trách nhiệm:** UBND đặc khu tiếp tục chỉ đạo bảo đảm an toàn, an ninh mạng, không để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến hoạt động điều hành.

VI. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Tình hình, kết quả thực hiện

- UBND đặc khu đã xây dựng Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 20/01/2026 Thực hiện xây dựng và triển khai Lộ trình đổi mới công nghệ đối với các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Hải Phòng đến năm 2035 trên địa bàn đặc khu Cát Hải. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào các lĩnh vực kinh tế – xã hội trọng tâm của đặc khu Cát Hải; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; góp phần phát triển bền vững kinh tế biển, du lịch, dịch vụ, logistics và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.

2. Nhận xét, đánh giá

- Tồn tại, hạn chế: Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo chưa phát triển mạnh; chưa hình thành trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo quy mô đặc khu. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa tiếp cận được chính sách ưu đãi khoa học công nghệ; nguồn nhân lực nghiên cứu tại chỗ còn hạn chế.

- Nguyên nhân: Thiếu quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo địa phương; cơ sở vật chất nghiên cứu và thử nghiệm còn yếu. Cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý, viện trường và doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ. Thiếu các dự án hợp tác quốc

tế về đổi mới sáng tạo và công nghệ biển.

- Trách nhiệm: UBND đặc khu với vai trò cơ quan tổ chức thực hiện chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

VII. VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN KHCN, ĐMST, CDS

UBND đặc khu Cát Hải xác định hợp tác quốc tế là một trong những giải pháp quan trọng nhằm tiếp cận tri thức mới, công nghệ tiên tiến, phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển, du lịch, logistics và nuôi trồng thủy sản.

Tuy nhiên, do đặc thù là đơn vị hành chính cấp cơ sở, đặc khu chưa trực tiếp triển khai các chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học quy mô lớn với các quốc gia phát triển trong các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ sinh học, công nghệ lượng tử, bán dẫn, năng lượng nguyên tử. Việc tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến chủ yếu thông qua:

- Tham gia các chương trình, dự án do thành phố và Trung ương chủ trì;
- Phối hợp với các sở, ngành trong việc giới thiệu, kết nối doanh nghiệp với đối tác quốc tế;
- Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn từng bước ứng dụng công nghệ số, AI và các giải pháp công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh và quản lý.

Trong thời gian tới, UBND đặc khu tiếp tục tranh thủ các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ từ các tổ chức quốc tế thông qua kênh thành phố; ưu tiên các lĩnh vực phù hợp đặc thù địa phương như công nghệ biển, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, du lịch thông minh.

VII. VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG LÃNG PHÍ

a) Tình hình kết quả thực hiện

UBND đặc khu đã quán triệt nghiêm tinh thần chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về sử dụng hiệu quả nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực và phòng, chống lãng phí trong quá trình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả thời gian làm việc, nguồn nhân lực; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, hạn chế chồng chéo.

- Kiểm soát chặt chẽ việc đầu tư, mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin; bảo đảm phù hợp nhu cầu thực tế, tránh dàn trải.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong điều hành nhằm tiết kiệm thời gian, chi phí hành chính.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được yêu cầu chủ động rà soát, nhận diện sớm nguy cơ lãng phí trong quản lý tài chính, tài sản công, nguồn nhân lực; kịp thời đề xuất giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, không để phát sinh hậu quả lớn.

b) Nhận xét, đánh giá

- *Ưu điểm:* Nhận thức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được nâng lên; Công tác phân công, giao nhiệm vụ rõ ràng hơn; Việc ứng dụng chuyển đổi

số góp phần giảm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quả công việc.

- *Tồn tại, hạn chế*: Một số nội dung ứng dụng công nghệ chưa khai thác hết tính năng, hiệu suất sử dụng còn có thể nâng cao; Nguồn nhân lực chuyên sâu còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả khai thác một số hệ thống chưa tối ưu.

- *Nguyên nhân*: Điều kiện ngân sách và nhân lực còn hạn chế; Khối lượng công việc lớn, yêu cầu triển khai nhiều nhiệm vụ mới cùng thời điểm.

- *Giải pháp*: Tiếp tục rà soát, sắp xếp, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số; Kiểm tra định kỳ việc sử dụng tài sản công, trang thiết bị CNTT; Phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong phòng ngừa lãng phí.

- *Trách nhiệm*: UBND đặc khu chịu trách nhiệm chung trong công tác chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện trong phạm vi quản lý, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực được giao.

C. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2026, cấp ủy và UBND đặc khu Cát Hải đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW với tinh thần chủ động, nghiêm túc, bám sát chỉ đạo của Trung ương và thành phố.

- *Về chủ động đề xuất nhiệm vụ*: Đặc khu không thụ động chờ giao nhiệm vụ mà đã chủ động rà soát thực tiễn địa phương, xây dựng và ban hành các kế hoạch triển khai, trong đó xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm như chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, đổi mới công nghệ trong nuôi trồng thủy sản, du lịch thông minh và logistics. Các nhiệm vụ được đề xuất phù hợp điều kiện địa phương, bảo đảm tính khả thi.

- *Về xác định rõ nhiệm vụ và phân công tổ chức thực hiện*: Các nhiệm vụ được cụ thể hóa theo hướng rõ nội dung, rõ đơn vị chủ trì, phối hợp, thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra. Công tác phân công được thực hiện tương đối rõ ràng, hạn chế chồng chéo; tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

- *Về kết quả thực hiện, tiến độ và hiệu quả*: Nhìn chung, các nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 được triển khai bảo đảm tiến độ theo kế hoạch; một số nội dung đạt kết quả tích cực như nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, duy trì vận hành ổn định hạ tầng số, bước đầu thúc đẩy đổi mới công nghệ trong một số lĩnh vực kinh tế chủ lực. Tuy nhiên, do nguồn lực còn hạn chế và đặc thù địa bàn biển, đảo, một số mục tiêu cần thêm thời gian và sự hỗ trợ từ cấp trên để đạt kết quả toàn diện.

- *Về kiến nghị đối với Ban Chỉ đạo và các cơ quan Trung ương*: Đặc khu đã kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền để báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, đặc biệt liên quan đến cơ chế tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp khoa học công nghệ và chuyển đổi số ở địa bàn biển, đảo.

- Về phối hợp triển khai nhiệm vụ: UBND đặc khu chủ động phối hợp với các sở, ngành thành phố và cơ quan liên quan trong triển khai nhiệm vụ; tích cực trao đổi thông tin, tháo gỡ khó khăn phát sinh. Sự phối hợp ngày càng được tăng cường, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành trong một số lĩnh vực chuyên sâu.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

I. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Tiếp tục quan tâm chỉ đạo hoàn thiện thể chế, cơ chế đặc thù cho địa bàn biển, đảo trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Có định hướng chiến lược dài hạn về phát triển công nghệ biển, kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II. Đối với Quốc hội: Xem xét hoàn thiện khung pháp lý về tài chính cho khoa học và công nghệ theo hướng linh hoạt, tạo điều kiện cho địa phương chủ động bố trí, sử dụng nguồn lực. Nghiên cứu cơ chế ưu đãi thuế, tín dụng cho doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa bàn biển, đảo.

III. Đối với Chính phủ: Chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng chương trình hỗ trợ chuyển đổi số, đổi mới công nghệ phù hợp với đặc thù địa phương cấp xã/đặc khu. Tăng cường hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số, an toàn thông tin.

IV. Đối với Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tham gia chuyển đổi số; Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách KHCN, ĐMST tại cơ sở.

V. Đối với ban, bộ, ngành Trung ương: Hướng dẫn cụ thể hơn về cơ chế thực hiện nhiệm vụ KHCN tại cấp cơ sở; Tăng cường chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghệ biển, nuôi trồng thủy sản công nghệ cao; Hỗ trợ địa phương tiếp cận các chương trình hợp tác quốc tế và nguồn vốn ODA liên quan đến đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Nơi nhận:

- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đặc khu;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, VH-XH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hữu Vững